



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
CII BRIDGES AND ROADS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

oOo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 năm 2019



Ngày 31 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Quý 1 năm 2019***(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)***Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019**

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,404,423,915,939	1,458,060,899,566
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	82,375,121,628	83,089,108,096
1. Tiền	111		1,185,170,052	2,889,108,096
2. Các khoản tương đương tiền	112		81,189,951,576	80,200,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21,101,555,302	21,101,555,302
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2b.1	21,101,555,302	21,101,555,302
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,267,329,028,366	1,317,137,002,444
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	25,179,631,386	25,245,234,353
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4b	6,974,143,512	102,974,143,512
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4c	51,597,443,331	51,893,670,425
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4a	1,185,520,158,126	1,139,236,524,143
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	6	(1,942,347,989)	(2,212,569,989)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	31,340,601,258	34,522,394,607
1. Hàng tồn kho	141		31,340,601,258	34,522,394,607
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,277,609,385	2,210,839,117
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a1	57,352,349	57,463,134
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13a2	214,314,661	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17b	2,005,942,375	2,153,375,983
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,410,596,684,813	2,403,829,318,797
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		359,293,746,580	352,430,602,090
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4d	279,425,250,000	277,425,250,000
6. Phải thu dài hạn khác	216		79,868,496,580	75,005,352,090
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,699,412,096	1,795,190,570
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1,695,670,124	1,790,198,597



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên giá	222		3,112,044,571	3,112,044,571
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,416,374,447)	(1,321,845,974)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	3,741,972	4,991,973
- Nguyên giá	228		50,000,000	50,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(46,258,028)	(45,008,027)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,391,222,931	1,391,222,931
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8b	1,391,222,931	1,391,222,931
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2,048,212,303,206	2,048,212,303,206
1. Đầu tư vào công ty con	251	2c.1	1,893,728,823,206	1,893,728,823,206
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	2c.2	154,483,480,000	154,483,480,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	2a.1	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	2a.1a	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	2b.2	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b1	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3,815,020,600,752	3,861,890,218,363

C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,434,084,327,138	1,507,838,281,075
I. Nợ ngắn hạn	310		1,104,034,758,213	1,167,788,712,150
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	8,937,675,843	8,573,081,648
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19c	3,104,097,055	3,472,028,926
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17a	73,217,007	189,707,730
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18a	4,800,377,613	5,031,626,039
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20a	98,474,914	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19a	205,165,556,045	274,590,238,071
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15a	881,047,130,000	874,647,130,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25e.2	808,229,736	1,284,899,736
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		330,049,568,925	340,049,568,925
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	19b	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15b	330,049,568,925	340,049,568,925
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,380,936,273,614	2,354,051,937,288
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,380,936,273,614	2,354,051,937,288
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25a1	1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25a2	3,657,748,096	3,657,748,096
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	2a.2	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	25e.1	55,653,921,378	55,653,921,378
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25a	393,076,954,140	366,192,617,814
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		366,192,617,814	162,197,149,107
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26,884,336,326	203,995,468,707
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	431		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3,815,020,600,752	3,861,890,218,363

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 18 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phạm Thế Chính

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Quý 1 năm 2019**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,211,105,045	19,857,302,072	2,211,105,045	19,857,302,072
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		160,012,240	-	160,012,240	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2,051,092,805	19,857,302,072	2,051,092,805	19,857,302,072
Giá vốn hàng bán	11		1,864,904,964	19,562,658,725	1,864,904,964	19,562,658,725
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		186,187,841	294,643,347	186,187,841	294,643,347
Doanh thu hoạt động tài chính	21		57,148,455,198	46,400,248,691	57,148,455,198	46,400,248,691
Chi phí tài chính	22		29,402,640,550	34,692,436,437	29,402,640,550	34,692,436,437
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28,730,285,550	34,692,436,437	28,730,285,550	34,692,436,437
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,170,353,990	1,682,001,207	1,170,353,990	1,682,001,207
I. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22) - (25+26)]	30		26,761,648,499	10,320,454,394	26,761,648,499	10,320,454,394
Thu nhập khác	31		300,000,000	120,000,000	300,000,000	120,000,000
Chi phí khác	32		177,312,173	103,112,522	177,312,173	103,112,522
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		122,687,827	16,887,478	122,687,827	16,887,478
II. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		26,884,336,326	10,337,341,872	26,884,336,326	10,337,341,872
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		26,884,336,326	10,337,341,872	26,884,336,326	10,337,341,872
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		138	53	138	53
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Lập ngày 18 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Dương Thị Nhung

Nguyễn Văn Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2019

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26,884,336,326	10,337,341,872
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		95,778,474	95,778,474
- Các khoản dự phòng	03		(270,222,000)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(20,409)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(57,148,455,198)	(46,400,228,282)
- Chi phí lãi vay	06		28,730,285,550	34,692,436,437
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1,708,276,848)	(1,274,691,908)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30,119,094,906)	2,507,754,041
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(675,190,904)	10,927,348,657
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		304,413,286	(14,782,994,799)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		110,785	49,425,286
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8,856,571,779)	(10,310,736,470)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(476,670,000)	(499,800,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(41,531,280,366)	(13,383,695,193)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,078,000,000)	(11,285,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,374,227,094	17,297,722,481
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46,121,066,804	40,033,976,677
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		44,417,293,898	46,046,699,158
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3,600,000,000)	(13,396,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3,600,000,000)	(13,396,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(713,986,468)	19,267,003,965
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		83,089,108,096	30,223,894,915
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	20,409
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		82,375,121,628	49,490,919,289

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 18 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc




Phạm Thế Chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng tóm lược)

Quý 1 năm 2019

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,404,423,915,939	1,458,060,899,566
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		82,375,121,628	83,089,108,096
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21,101,555,302	21,101,555,302
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,267,329,028,366	1,317,137,002,444
4. Hàng tồn kho	140		31,340,601,258	34,522,394,607
5. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,277,609,385	2,210,839,117
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,410,596,684,813	2,403,829,318,797
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		359,293,746,580	352,430,602,090
2. Tài sản cố định	220		1,699,412,096	1,795,190,570
3. Bất động sản đầu tư	240		1,391,222,931	1,391,222,931
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,048,212,303,206	2,048,212,303,206
5. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,815,020,600,752	3,861,890,218,363

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,434,084,327,138	1,507,838,281,075
1. Nợ ngắn hạn	310		1,104,034,758,213	1,167,788,712,150
2. Nợ dài hạn	330		330,049,568,925	340,049,568,925
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,380,936,273,614	2,354,051,937,288
1. Vốn chủ sở hữu	410		2,380,936,273,614	2,354,051,937,288
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3,815,020,600,752	3,861,890,218,363

Lập ngày 18 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Dương Thị Nhung

Nguyễn Văn Chính

Phạm Thế Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng tóm lược)

Quý 1 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm		ĐVT: đồng
			Năm nay		Năm nay		
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1	2	3	4	5	6	7	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,211,105,045	19,857,302,072	2,211,105,045	19,857,302,072	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		160,012,240	-	160,012,240	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,051,092,805	19,857,302,072	2,051,092,805	19,857,302,072	
4. Giá vốn hàng bán	11		1,864,904,964	19,562,658,725	1,864,904,964	19,562,658,725	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		186,187,841	294,643,347	186,187,841	294,643,347	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		57,148,455,198	46,400,248,691	57,148,455,198	46,400,248,691	
7. Chi phí tài chính	22		29,402,640,550	34,692,436,437	29,402,640,550	34,692,436,437	
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,170,353,990	1,682,001,207	1,170,353,990	1,682,001,207	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26,761,648,499	10,320,454,394	26,761,648,499	10,320,454,394	
11. Thu nhập khác	31		300,000,000	120,000,000	300,000,000	120,000,000	
12. Chi phí khác	32		177,312,173	103,112,522	177,312,173	103,112,522	
13. Lợi nhuận khác	40		122,687,827	16,887,478	122,687,827	16,887,478	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26,884,336,326	10,337,341,872	26,884,336,326	10,337,341,872	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26,884,336,326	10,337,341,872	26,884,336,326	10,337,341,872	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		138	53	138	53	

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 22/18, tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phạm Thế Chính



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2019

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư cầu đường CII (trước đây là Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia), (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Ngày 06/04/2018 Công ty thay đổi người đại diện pháp luật là Ông Phạm Thế Chính. Các thông tin khác không đổi.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thế Chính - Quốc tịch Việt Nam, Chức vụ: Tổng Giám đốc

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư - TM - DV - XD

3. Ngành nghề kinh doanh.

- Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

- Sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp;

- Xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; XD công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng;

- Khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước...

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Sửa chữa thiết bị điện; lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe...

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty đang thực hiện đầu tư vào (08) tám công ty con và 02 công ty liên doanh, liên kết bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con khác.

- Danh sách các công ty con đầu tư trực tiếp:

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1/ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	89.98%	89.98%	28,448,338,135	
2/ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51.00%	51.00%	540,600,000,000	
3/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99.99%	99.99%	219,980,000,000	
4/ Công ty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	100.00%	100.00%	430,425,833,333	
5/ Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	99.99%	99.99%	335,996,028,454	
6/ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	50.71%	50.36%	242,278,623,284	
7/ Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	50.53%	50.53%	96,000,000,000	
Cộng	xxx	xxx	1,893,728,823,206	

- Công ty con đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần cầu đường Hiền An Bình:

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Nơi thành lập và hoạt động
1/ Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng VRG	99.99%	99.99%	Tỉnh Bình Dương
Cộng	xxx	xxx	

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết;

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1/ Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10.00%	10.00%	154,483,480,000	
Cộng	xxx	xxx	154,483,480,000	

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (có so sánh được hay không, nếu không so sánh được phải nêu rõ lý do như vì chuyển đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, nêu độ dài về kỳ so sánh...)

...

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm : Bắt đầu từ ngày 01/01/2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán. Trường hợp có sự thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán so với năm trước, giải trình rõ lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

...

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh;

+ Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh

+ Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c) Các khoản cho vay;

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

- Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

- Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích.

Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

- Đầu tư vào công ty liên kết;

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

*** Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2014.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho; Giá gốc

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền ;

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên;

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 do Bộ Tài chính ban hành.

- Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang: Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

+ Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

+ Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

+ Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng Cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

+ Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

+ Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- **Doanh thu bán hàng;**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

- **Doanh thu cung cấp dịch vụ;**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- **Doanh thu hoạt động tài chính;**

+ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm đầu tư, lãi tiền gửi... nhận được.

+ Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

- **Doanh thu hợp đồng xây dựng.**

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

- Thu nhập khác

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư vào các dự án B.O.T trong giai đoạn hoạt động được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế

26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,185,170,052	2,889,108,096
- Tiền đang chuyển	81,189,951,576	80,200,000,000
...		
Cộng	82,375,121,628	83,089,108,096

2. Các khoản đầu tư tài chính

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn	21,101,555,302	21,101,555,302	21,101,555,302	21,101,555,302
+ Tiền gửi có kỳ hạn	21,101,555,302	21,101,555,302	21,101,555,302	21,101,555,302
...				
- Dài hạn	-	-	-	-
...				
Cộng	21,101,555,302	21,101,555,302	21,101,555,302	21,101,555,302

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ
- Đầu tư vào công ty con		1,893,728,823,206		1,893,728,823,206
+ Cty CP XD Cầu Sài Gòn	89.98%	28,448,338,135	89.98%	28,448,338,135
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51.00%	540,600,000,000	51.00%	540,600,000,000
+ Cty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99.99%	219,980,000,000	99.99%	219,980,000,000
+ Cty CP Cầu đường Hiền An Bình	99.99%	335,996,028,454	99.99%	335,996,028,454
+ Cty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	100.00%	430,425,833,333	100.00%	430,425,833,333
+ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	50.71%	242,278,623,284	50.71%	242,278,623,284
+ Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	50.53%	96,000,000,000		
+ Công ty TNHH Đầu Tư Phát triển Cầu đường CII		-	99.99%	96,000,000,000
...				
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;		154,483,480,000		154,483,480,000
+ Cty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10.00%	154,483,480,000	10.00%	154,483,480,000
...				
Cộng		2,048,212,303,206		2,048,212,303,206

* Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ;

a/ Đầu tư vào công ty con

- + Cty CP XD Cầu Sài Gòn với hoạt động chính Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn;
- + Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với Dự án Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội;
- + Cty CP Đầu tư & Phát triển Ninh Thuận với dự án Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
- + Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Công ty con đầu tư gián tiếp thông qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình)- Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
- + Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận với dự án Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
- + Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu với hoạt động chính là Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60.
- + Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên với hoạt động Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường

b/ Công ty liên doanh, liên kết;

- + Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận với Dự án Đầu tư xây dựng Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.

* Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ.

a/ Đầu tư vào công ty con

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII giải thể theo Quyết định số 01/QĐ-HĐTV ngày 25/02/2019. Do đó năm 2019 Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII không còn là Công ty con của Công ty CP Đầu tư cầu đường CII.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01 ngày 28/12/2018 Công ty CP Đầu tư cầu đường CII mua 51% cổ phần của Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên của Công ty Tuấn Lộc. Do đó năm 2019 Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên là công ty con của Công ty CP Đầu tư cầu đường CII.

b/ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;

3. Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Phải thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20,994,776,919	20,586,387,552
- Cty XD số 9 - Cty An Xuân Thịnh	3,744,703,767	3,744,703,767
- Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 1	2,943,324,734	2,943,324,734
- Cty CPĐTPT Cường Thuận IDICO	2,824,178,378	2,824,178,378
- Cty CP PT Đường Cao Tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1,321,079,368	1,321,079,368
- Công Ty 7/5 - Quân Khu 7	1,217,062,314	1,217,062,314
- Cty CP XD CTGT Thái Sơn	1,018,100,000	1,018,100,000
- Cty CP Đầu tư Long Biên	807,913,550	807,913,550
- Cty CP ĐT và XD số 17 Thăng Long	796,272,960	796,272,960
- LD Cty Trường Sơn - Tây Bắc	669,898,000	669,898,000
- Cty CP XD số 14	620,995,000	620,995,000
- Cty CP ĐT XD Phú Mỹ - PMC	589,927,000	589,927,000
- Công ty CP Sonadezi Giang Điền	855,126,187	-
- Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 2	151,346,000	201,026,000
- Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 4	566,792,000	566,792,000
- Cty Hoàng Mai	551,542,723	551,542,723
- Công ty CP ĐTXD Lương Tài	511,025,200	511,025,200
Cty TNHH DV TM-XD Đông Mê Kông	276,118,118	276,118,118
Cty CPXD CT Giao thông 419	229,294,000	229,294,000
Cty CP XD CT Giao Thông 674	-	270,222,000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1,300,077,620	1,426,912,440
b/ Phải thu về chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp	2,103,257,936	2,103,257,936
Cty CP Thương Mại Nước Giải Khát Khánh An	2,103,257,936	2,103,257,936
...		
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	2,081,596,531	2,555,588,865
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	431,312,458	431,312,458
- Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	506,390,065	506,390,065
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	-	78,792,086
- Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1,143,894,008	1,539,094,256
...		
Cộng	25,179,631,386	25,245,234,353

4. Phải thu khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1,185,520,158,126	-	1,139,236,524,143	-
* Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;	572,061,437,880	-	568,802,441,125	-
- Công ty CP Đầu tư & Xây dựng XLHN	225,489,967,000		205,033,073,409	
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	171,733,835,561		181,931,732,397	
- Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	78,690,502,519		78,690,502,519	
- Cty CP Cầu đường Hiến An Bình	96,147,132,800		103,147,132,800	
...				
* Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	83,384,348,572		70,477,528,164	

- Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh- Dự án Cao tốc TL-MT	80,006,332,284	67,856,509,808
- Công ty CP Hoàng An - Dự án Cao tốc TL-MT	2,164,201,375	2,164,201,375
- Cty Đầu tư HTKT Tp.HCM (CII)	514,899,463	113,717,194
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận	71,944,444	21,944,444
- Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	111,313,389	70,552,690
- Lãi tiền gửi tiết kiệm	515,657,617	250,602,653
...		
* Các khoản chi hộ;	456,769,833	200,598,013
- Metro Pacific Tollways Corporation	71,897,120	300
- Nộp hộ chi phí cấp Sổ hồng căn hộ	16,322,713	16,322,713
- Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh- bảo lãnh chi hộ	368,550,000	184,275,000
...		
* Phải thu khác.	529,617,601,841	499,755,956,841
- Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh- Dự án Cao tốc TL-MT	462,850,380,000	462,850,380,000
- Cty TNHH MTV BOT ĐT và XD Ninh Thuận- góp vốn	66,080,000,000	35,610,000,000
- Cty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII - tiền mượn	-	658,355,000
- Phải thu khoản Nộp 1% đảm bảo các công trình chờ QT	455,871,841	455,871,841
- Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu - Phụ cấp HDTV	100,000,000	100,000,000
- Cho mượn (tạm ứng);	117,350,000	67,350,000
- Ký quỹ Viễn thông,taxi, thuê máy photo;	14,000,000	14,000,000
...		
Trong đó, phải thu các bên liên quan	638,828,281,787	605,306,457,763
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	514,899,463	113,717,194
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	171,805,780,005	181,953,676,841
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	225,489,967,000	205,033,073,409
Công ty TNHH MTV BOT Ninh Thuận	144,770,502,519	114,300,502,519
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	96,147,132,800	103,147,132,800
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	-	658,355,000
Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	100,000,000	100,000,000
...		
b) Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ	1,153,646,000	1,153,646,000
- Cty TNHH Tư Vấn Phát Triển Xây Dựng Minh Đạt	850,000,000	850,000,000
- Cty CP điện cơ Đồng Nai	232,971,000	232,971,000
- Khác	70,675,000	70,675,000
...		
c) Trả trước tiền mua cổ phần, phần vốn góp	5,820,497,512	101,820,497,512
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	96,000,000,000
- Cty CP TM Nước giải khát Khánh An	5,820,497,512	5,820,497,512
...		
d/ Phải thu về cho vay ngắn hạn	51,597,443,331	51,893,670,425
- Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật CII Tp.HCM (hỗ trợ vốn)	48,146,443,331	46,520,670,425
- Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên - (hỗ trợ vốn)	1,451,000,000	1,373,000,000
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận -(Hỗ trợ đầu tư)	2,000,000,000	4,000,000,000
...		
e) Phải thu về cho vay dài hạn	279,425,250,000	277,425,250,000
- Cty TNHH XD & TM Tuấn Lộc (Hỗ trợ đầu tư)	231,425,250,000	231,425,250,000
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận -(Hỗ trợ đầu tư)	48,000,000,000	46,000,000,000
...		
Trong đó, Phải thu về cho vay là các bên liên quan	96,146,443,331	92,520,670,425
- Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật CII Tp.HCM	48,146,443,331	46,520,670,425
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận	48,000,000,000	46,000,000,000
...		

02
 01
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

f) Phải thu dài hạn khác;	79,868,496,580	75,005,352,090
- Cty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (lãi cho vay phải thu)	79,868,496,580	75,005,352,090
...		

6. Nợ xấu	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;						
Cty CP PT Đường Cao Tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1,321,079,368	-	1,321,079,368	1,321,079,368	-	1,321,079,368
Khách hàng khác - phải thu từ thi công công trình	490,234,652	16,200,796	474,033,856	490,234,652	16,200,796	474,033,856
Cty CP XD CT Giao Thông 674	-	-	-	270,222,000	-	270,222,000
Công ty bảo hiểm Xuân Thành Sài Gòn	98,250,000	29,475,000	68,775,000	98,250,000	29,475,000	68,775,000
Cty TNHH MTV Cầu Quyết Tiến - Thi công công trình	53,256,500	-	53,256,500	53,256,500	-	53,256,500
Cty TNHH Bảo hiểm Liberty - Thi công công trình	25,203,265	-	25,203,265	25,203,265	-	25,203,265
...						
Cộng	1,988,023,785	45,675,796	1,942,347,989	2,258,245,785	45,675,796	2,212,569,989

18
 IG
 PH
 AI
 H

7. Hàng tồn kho:	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa;	111,300,000		111,300,000	
- Chi phí SXKD dở dang - Căn hộ 70 Lữ Gia	82,197,295		82,197,295	
- Chi phí SXKD dở dang - Bộ phận xây dựng	4,300,295,850		3,625,104,946	
- Chi phí đầu tư các dự án BOT chưa khai thác	26,846,808,113		30,703,792,366	
...				
Trong đó, Chi phí đầu tư dự án BOT các bên liên quan				
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	26,846,808,113		25,207,545,926	
...				
Cộng	31,340,601,258	-	34,522,394,607	-

8. Tài sản dở dang dài hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Công trình: Cao ốc CC-TM-DV LUGIACO	663,950,204		663,950,204	
- Công trình: Dự án XD nhà ở 477-479 An Dương Vương	727,272,727		727,272,727	
...				
Cộng	1,391,222,931		1,391,222,931	

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	854,759,656	-	2,257,284,915	-	-	3,112,044,571
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	854,759,656	-	2,257,284,915	-	-	3,112,044,571
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	513,379,010	-	808,466,964	-	-	1,321,845,974
- Khấu hao trong năm	21,451,164	-	73,077,309	-	-	94,528,473
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	534,830,174	-	881,544,273	-	-	1,416,374,447
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	341,380,646	-	1,448,817,951	-	-	1,790,198,597
- Tại ngày cuối năm	319,929,482	-	1,375,740,642	-	-	1,695,670,124

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm				50,000,000		50,000,000
- Mua trong năm						-
- Tạo ra từ nội bộ DN						-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm				50,000,000		50,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						
- Khấu hao trong năm				45,008,027		45,008,027
- Tăng khác				1,250,001		1,250,001
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm				46,258,028		46,258,028
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm				4,991,973		4,991,973
- Tại ngày cuối năm				3,741,972		3,741,972

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác;

13. Chi phí trả trước	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	271,667,010	57,463,134
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	57,352,349	57,463,134
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	214,314,661	-
Cộng	271,667,010	57,463,134

15. Vay và nợ thuê tài chính	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	848,559,130,000	848,559,130,000	-	-	848,559,130,000	848,559,130,000
...						
Cộng Vay ngắn hạn	848,559,130,000	848,559,130,000	-	-	848,559,130,000	848,559,130,000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	32,488,000,000	32,488,000,000	32,488,000,000	26,088,000,000	26,088,000,000	26,088,000,000
b) Vay dài hạn						
NH TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Tây Sài Gòn	362,537,568,925	362,537,568,925	-	3,600,000,000	366,137,568,925	366,137,568,925
...						
Cộng Vay dài hạn	362,537,568,925	362,537,568,925	-	3,600,000,000	366,137,568,925	366,137,568,925
Trừ các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(32,488,000,000)	(32,488,000,000)	(32,488,000,000)	(26,088,000,000)	(26,088,000,000)	(26,088,000,000)
Tổng cộng	1,211,096,698,925	1,211,096,698,925	-	3,600,000,000	1,214,696,698,925	1,214,696,698,925

Trong đó thanh toán theo kỳ hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Trong vòng 01 năm	32,488,000,000	26,088,000,000
Trong năm thứ hai	48,113,000,000	45,113,000,000
Từ năm thứ 3 đến năm thứ năm	281,936,568,925	294,936,568,925
Cộng	362,537,568,925	366,137,568,925
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng	(32,488,000,000)	(26,088,000,000)
Số phải trả sau 12 tháng	330,049,568,925	340,049,568,925

16. Phải trả người bán	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1,122,255,507	1,122,255,507	1,591,610,066	1,591,610,066
- Công ty CP Xây Lắp Điện Chiêu Sáng	24,115,600	24,115,600	500,000,000	500,000,000
- Công Ty CP Xây lắp & Vật Tư Xây Dựng (CBM)	100,000,000	100,000,000	100,000,000	100,000,000
- Cty TNHH Tân Thành Tâm	180,272,259	180,272,259	180,272,259	180,272,259
- Công Ty CP TM XD Kỹ Thuật Thiên Thành	351,627,200	351,627,200	351,627,200	351,627,200
- Cty TNHH SX TM & XD Thiên Minh	13,913,000	13,913,000	13,913,000	13,913,000
- Cty TNHH Đại Dương Xanh	163,327,842	163,327,842	163,327,842	163,327,842
- Phải trả cho các đối tượng khác	288,999,606	288,999,606	282,469,765	282,469,765
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	7,815,420,336	7,815,420,336	6,981,471,582	6,981,471,582
- Công ty CP Cơ Khí Điện Lữ Gia	7,611,747,506	7,611,747,506	6,566,016,332	6,566,016,332
- Cty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia	203,672,830	203,672,830	415,455,250	415,455,250
cộng	8,937,675,843	8,937,675,843	8,573,081,648	8,573,081,648

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối kỳ
a) Phải nộp	189,707,730	223,277,620	339,768,343	73,217,007
- Thuế TNCN	189,707,730	219,277,620	335,768,343	73,217,007
- Thuế môn bài		4,000,000	4,000,000	-
...				-
b) Phải thu	2,153,375,983	147,433,608	-	2,005,942,375
- Thuế TNDN nộp thừa	1,177,431,555	-	-	1,177,431,555
- Tiền thuê đất nộp thừa tại 345-347ADV	391,243,752	-	-	391,243,752
- Thuế GTGT vãng lai nội tỉnh đã nộp	584,700,676	147,433,608	-	437,267,068
				-

18. Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	4,800,377,613	5,031,626,039
- Chi phí lãi vay	4,495,377,613	4,726,626,039
- Các khoản trích trước khác;	305,000,000	305,000,000
...		
Cộng	4,800,377,613	5,031,626,039

19. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	205,165,556,045	274,590,238,071
- Kinh phí công đoàn;	4,055,436	-
...		
* Các khoản phải trả, phải nộp khác.	205,161,500,609	274,590,238,071
- Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)	149,058,016,715	132,810,038,771
- Phải trả Cty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường	-	96,000,000,000
- Ứng trước lợi nhuận từ Cty Rạch Miễu	26,731,500,895	16,729,927,636
- Khoản thu hộ: Tiền phụ cấp HDTV	3,900,000,000	3,600,000,000
- Công ty Cấp thoát nước TP	451,242,467	451,242,467
- Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	24,988,350,000	24,988,350,000
+ Phải trả khác	32,390,532	10,679,197
...		

Trong đó, phải trả các bên liên quan	200,777,867,610	270,528,316,407
- Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)	149,058,016,715	-
- Cty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường	-	96,000,000,000
- Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	26,731,500,895	16,729,927,636
- Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	24,988,350,000	24,988,350,000
...		

c) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3,104,097,055	3,472,028,926
- Khu QLGTĐT số 3	1,398,915,150	1,398,915,150
- Cty CP BOT Quốc Lộ 20 Lâm Đồng	1,200,000,000	1,200,000,000
- Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	-	35,550,000
- BQLĐT XDCT Nâng cấp Đô thị TP	365,219,173	365,219,173
- Công ty CP Sonadezi Giang Điền	-	381,560,515
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	139,962,732	90,784,088
...		

Trong đó, Người mua trả tiền trước ngắn hạn các bên liên quan	-	35,550,000
- Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	-	35,550,000
...		

20. Doanh thu chưa thực hiện	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	98,474,914	-
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (thuê VP)	98,474,914	-

25. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối và các quỹ		
A	1	2	5	6	8	7		
Số dư đầu năm trước	1,928,547,650,000	3,657,748,096			44,860,510,378	163,220,149,107	2,220,965,611,748	
- Tăng vốn trong năm trước							-	
- Lãi trong năm trước						215,868,221,707	215,868,221,707	
- Chi cổ tức							-	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm trước					10,793,411,000	(10,793,411,000)	-	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước						(1,079,342,000)	(1,079,342,000)	
- Chi thù lao HĐQT & Ban KS năm 2017						(1,023,000,000)	(1,023,000,000)	
- Giảm vốn trong năm trước							-	
...								
Số dư đầu năm nay	1,928,547,650,000	3,657,748,096			55,653,921,378	366,192,617,814	2,354,051,937,288	
- Tăng vốn trong năm nay							-	
- Lãi trong năm nay						26,884,336,326	26,884,336,326	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm nay						-	-	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay						-	-	
- Chi cổ tức							-	
- Chi thù lao HĐQT & Ban KS năm 2017							-	
...							-	
Số dư cuối năm nay	1,928,547,650,000	3,657,748,096			55,653,921,378	393,076,954,140	2,380,936,273,614	

25. Vốn chủ sở hữu		Cuối kỳ	Đầu năm
b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
- Vốn góp của Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CIJ)	54.40%	1,049,158,520,000	1,049,158,520,000
- Vốn góp của MPTC (Philippin)	44.94%	866,666,660,000	866,666,660,000
- Vốn góp của đối tượng khác	0.66%	12,722,470,000	12,722,470,000
...			
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
+ Vốn góp đầu năm		1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
+ Vốn góp tăng trong năm			
+ Vốn góp giảm trong năm			
+ Vốn góp cuối năm		1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
...			
d) Cổ phiếu		Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		192,854,765	192,854,765
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		192,854,765	192,854,765
+ Cổ phiếu phổ thông		192,854,765	192,854,765
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		192,854,765	192,854,765
+ Cổ phiếu phổ thông		192,854,765	192,854,765
...			
e) Các quỹ của doanh nghiệp:		Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển;		55,653,921,378	55,653,921,378
- Quỹ khen thưởng phúc lợi		808,229,736	1,284,899,736
...			
	Cộng	56,462,151,114	56,938,821,114

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
Doanh thu	2,211,105,045	19,857,302,072
- Doanh thu hợp đồng xây dựng, duy tu;	2,063,382,045	18,658,212,604
- Doanh thu dịch vụ tư vấn về thu phí giao thông	-	1,051,366,468
- Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê VP, mặt bằng;	147,723,000	147,723,000
	-	-
Trong đó Doanh thu đối với các bên liên quan	147,723,000	1,199,089,468
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	147,723,000	147,723,000
- Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	1,051,366,468
...		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Giảm giá hàng bán;	160,012,240	-
...		
	Cộng	160,012,240
	-	-
3. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
Giá vốn của hàng hóa đã bán;	1,864,904,964	19,562,658,725
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	1,820,834,523	19,517,706,084
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	44,070,441	44,952,641
	-	-
Trong đó Giá vốn đối với các bên liên quan	2,094,719,255	-
- Công ty CP Cơ Khí điện Lữ Gia	2,094,719,255	-
...		

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8,739,635,967	11,336,198,010
- Lãi phát sinh từ HĐ hợp tác đầu tư DA cao tốc TLMT (Hoàng An- Yên Khánh)	12,149,822,476	12,370,659,351
- Lợi nhuận được chia	36,258,996,755	22,693,370,921
- Lãi chênh lệch tỷ giá, chiết khấu	-	20,409
...		
Cộng	57,148,455,198	46,400,248,691
Trong đó Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan		
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CTI)	1,326,955,175	4,848,247,244
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	20,456,893,591	16,274,361,330
- Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	-	5,500,000
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	17,027,103,163	7,350,009,591
- Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	40,760,699	
...		
Cộng	38,851,712,628	28,478,118,165
5. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay;	28,730,285,550	34,692,436,437
- Lỗ từ thoái vốn công ty con PTCD	672,355,000	
- Chi phí tài chính khác;		
...		
Cộng	29,402,640,550	34,692,436,437
Trong đó Chi phí tài chính đối với các bên liên quan		
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CTI)	14,608,715,757	14,829,552,631
...		
Cộng	14,608,715,757	14,829,552,631
6. Thu nhập khác		
- Thu nhập từ cho thuê xe	300,000,000	120,000,000
...		
Cộng	300,000,000	120,000,000
Trong đó Thu nhập khác đối với các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng - VRG	150,000,000	120,000,000
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	150,000,000	
...		
Cộng	300,000,000	120,000,000
7. Chi phí khác		
- Chi phí cho thuê tài sản	177,312,173	103,112,522
- Các khoản khác.		
...		
Cộng	177,312,173	103,112,522
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	1,170,353,990	1,682,001,207
- Chi phí lương nhân viên	1,011,915,991	788,033,902
- Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	37,203,796	52,489,084
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11,398,614	41,472,195
- Chi phí thuê văn phòng	148,500,000	148,500,000
- Chi phí tiếp khách	67,231,547	106,315,910
- Chi phí dự phòng nợ khó đòi	(270,222,000)	
- Các khoản chi phí QLDN khác.	164,326,042	545,190,116
...		
Cộng	185,157,118	183,049,209
Trong đó Chi phí QLDN đối với các bên liên quan		
- Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	185,157,118	183,049,209

10/03/2019
 Ông Nguyễn Văn Hùng
 Giám đốc

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Chi phí nhân công;	887,730,914	836,585,811
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;	95,778,474	95,778,474
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	2,671,261,650	8,870,777,101
- Chi phí khác bằng tiền.	207,911,664	565,843,584
Cộng	3,862,682,702	10,368,984,970

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Cộng	-	-

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	-	-
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	3,600,000,000	13,396,000,000
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	50,477,000,000
...		
Cộng	3,600,000,000	63,873,000,000

IX. Những thông tin khác

3. Thông tin về các bên liên quan

a - Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CIJ)	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Thanh toán tiền gốc hỗ trợ vốn	-	50,477,000,000
- Chi phí lãi vay hỗ trợ vốn	14,608,715,757	16,468,814,819
- Lãi vay hỗ trợ vốn đầu tư vào các dự án B.O.T chưa khai thác	1,639,262,187	
- Cho vay hỗ trợ vốn	3,000,000,000	
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	1,374,227,094	6,513,416,961
- Lãi cho vay, hỗ trợ vốn	1,326,955,175	4,848,247,244
- Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	925,772,906	2,720,784,414
- Doanh thu tiền thuê mặt bằng	147,723,000	147,723,000
- Thu tiền cho thuê mặt bằng	-	324,990,000
Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Chi phí thuê văn phòng	185,157,118	183,049,209
- Thanh toán tiền thuê văn phòng	415,455,250	227,818,900
...		
Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Chi phí thi công công trình & hàng hóa	2,094,719,255	384,352,458
- Phải trả tiền thi công công trình & hàng hóa	2,304,191,181	422,787,704
- Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	1,258,460,007	6,291,135,896
...		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	20,456,893,591	16,274,361,330

Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	10,001,573,259	9,661,007,040
- Doanh thu dịch vụ tư vấn thu phí giao thông	-	1,051,366,468
- Thu tiền dịch vụ tư vấn thu phí giao thông	395,200,248	1,023,230,048
- Thu tiền phụ cấp HDTV	300,000,000	300,000,000
- Phải thu tiền phụ cấp thành viên	300,000,000	
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Thu tiền cổ tức được chia	7,000,000,000	8,000,000,000
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Thu nhập từ cho thuê xe	150,000,000	
- Thu tiền cho thuê xe	165,000,000	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	15,802,103,164	6,419,009,591
- Lãi cho vay phải thu	1,224,999,999	
- Thu tiền cổ tức được chia	26,000,000,000	20,500,000,000
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	1,174,999,999	816,394,444
Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Cho vay hỗ trợ vốn	-	11,000,000,000
- Thu tiền lãi vay	-	5,500,000
- Thu tiền cổ tức được chia	-	
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	-	11,000,000,000
- Chuyển tiền tạm chi góp vốn	30,470,000,000	
...		
Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng - VRG	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Thu nhập từ cho thuê xe	150,000,000	120,000,000
- Thu tiền bán hàng	165,000,000	132,000,000
...		
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
- Phải thu khoản tạm mượn	14,000,000	3,000,000
- Cho vay hỗ trợ vốn	-	140,000,000
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	-	500,000,000

b - Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải trả gốc hỗ trợ vốn	848,559,130,000	848,559,130,000
- Phải trả về lãi vay hỗ trợ vốn dự án TLMT	149,058,016,715	132,810,038,771
- Phải thu tiền thuê kho	-	78,792,086
- Phải thu cho vay hỗ trợ vốn	48,146,443,331	46,520,670,425
- Phải thu về lãi cho vay	514,899,463	113,717,194
- Doanh thu chưa thực hiện	98,474,914	-
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	Cuối kỳ	Đầu năm
- Ứng trước giá trị thi công công trình	-	35,550,000
...		
Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải trả chi phí thuê văn phòng	203,672,830	415,455,250
- Ứng trước tiền thuê VP	-	

Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải trả tiền thi công công trình & hàng hóa	7,611,747,506	6,566,016,332
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	225,489,967,000	205,033,073,409
- Phải thu giá trị thi công công trình	431,312,458	431,312,458
...		
Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu giá trị thi công công trình	506,390,065	506,390,065
- Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	24,988,350,000	24,988,350,000
...		
Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Ứng trước lợi nhuận từ Cty Rạch Miễu	26,731,500,895	16,729,927,636
- Phải thu tiền tư vấn QLDA của Cty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	1,143,894,008	1,539,094,256
- Phải thu tiền phụ cấp HDTV của Cty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	100,000,000	100,000,000
...		
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	96,147,132,800	103,147,132,800
...		
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	171,733,835,561	181,931,732,397
- Phải thu cho vay hỗ trợ vốn	48,000,000,000	46,000,000,000
- Phải thu lãi tiền cho vay hỗ trợ vốn	71,944,444	21,944,444
...		
Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	78,690,502,519	78,690,502,519
- Phải thu tiền góp vốn	66,080,000,000	35,610,000,000
...		
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu khoản tạm mượn	-	658,355,000
- Phải trả PTCD mua CP Cty Tuấn Lộc về Cty Cổ Chiên	-	96,000,000,000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Xem bảng kết quả kinh doanh theo bộ phận

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, BKS được hưởng trong năm	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
Lương và thưởng	899,084,741	1,075,574,300

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 18 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)




Phạm Thế Chính

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO BỘ PHẬN

Quý 1 năm 2019

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng hợp	Hoạt động kinh doanh		
			Đầu tư	Dịch vụ	Công trình XD
I. DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2,211,105,045		147,723,000	2,063,382,045
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	160,012,240	-	-	160,012,240
- Giảm giá hàng bán		160,012,240			160,012,240
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2,051,092,805	-	147,723,000	1,903,369,805
I. Giá vốn hàng bán	11	1,864,904,964		44,070,441	1,820,834,523
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	186,187,841	-	103,652,559	82,535,282
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	57,148,455,198	57,148,455,198	-	-
Lãi TGNH		1,283,775,604	1,283,775,604		
Lợi nhuận sau thuế Cty XLHN		20,456,893,591	20,456,893,591		
Lợi nhuận sau thuế Cty CP ĐT&PT XD Ninh Thuận		15,802,103,164	15,802,103,164		
Lãi Cty Tuấn Lộc vay		4,863,144,490	4,863,144,490		
Lãi Cty CII vay		1,326,955,175	1,326,955,175		
Lãi Cty CP ĐT & PT XD Ninh Thuận vay		1,224,999,999	1,224,999,999		
Lãi Cty CP Tập đoàn Yên Khánh vay (hợp tác đầu tư)		12,149,822,476	12,149,822,476		
Lãi Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên vay		40,760,699	40,760,699		
7. Chi phí tài chính	22	29,402,640,550	29,402,640,550	-	
- Lãi vay thanh toán phí chuyển nhượng Cổ phần		14,121,569,793	14,121,569,793		
- Lãi PS từ đầu tư DA cao tốc TLMT (Yên Khánh)		12,149,822,476	12,149,822,476		
Lãi vay CII (Chuyển Cty Tuấn Lộc vay p/v CT TLMT)		2,458,893,281	2,458,893,281		
- Lỗ từ thoái vốn Cty Đầu tư Phát triển Cầu đường CII		672,355,000	672,355,000		
I. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1,170,353,990	1,440,575,990	-	(270,222,000)
CP quản lý		1,440,575,990	1,440,575,990		
CP dự phòng nợ khó đòi		(270,222,000)			(270,222,000)
0 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	26,761,648,499	26,305,238,658	103,652,559	352,757,282
1. Thu nhập khác	31	300,000,000	-	300,000,000	-
Thuê xe		300,000,000		300,000,000	
2. Chi phí khác	32	177,312,173	-	177,312,173	-
Chi phí cho thuê xe	32.1	177,312,173		177,312,173	
3. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	122,687,827	-	122,687,827	-
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	26,884,336,326	26,305,238,658	226,340,386	352,757,282
Chi phí loại trừ khi tính thuế TNDN	50a	18,285,098,045	18,285,098,045	-	-
- Chi phí lãi vay loại trừ theo ND 20/2017CP-24/02/2017		17,612,743,045	17,612,743,045		
Lỗ từ thoái vốn Cty Đầu tư Phát triển Cầu đường CII		672,355,000	672,355,000		
Thu nhập không chịu thuế	50b	36,258,996,755	36,258,996,755	-	-
Lợi nhuận sau thuế Cty XLHN		20,456,893,591	20,456,893,591		
Lợi nhuận sau thuế Cty CP ĐT&PT XD Ninh Thuận		15,802,103,164	15,802,103,164		
Thu nhập chịu thuế (50 + 50a-50b)	50c	8,910,437,616			
Kết chuyển lỗ	50d	8,910,437,616			
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	26,884,336,326			
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	138			

Người lập biểu

Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 18 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc

Phạm Thế Chính

